



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn hiên Minh
Last Middle First

Current Address 25 Lê Xá' đường sắt ly' Thái Tô'; P.1; Q.3, TP.H. CMNH, VN

Date of Birth 03/10/49 Place of Birth Saigon

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6.25.75 To 12.5.80
(5 years 6 months)

3. SPONSOR'S NAME: F.V.P.P.A
Name

see above
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 11-15-88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn hieu minh
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trinh Thi Xanh	1953	Wife
Nguyễn hieu minh Tuấn	1974	son
Nguyễn hieu minh Tú	1984	son
Nguyễn hieu minh Thanh	1988	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Haigon, ngày 29-6-1988

Xin chào : Bà KHÚC-MINH-THỦ

Kính thưa Bà,

Tôi tên Nguyễn-Hữu-Minh nguyên là Trung úy KQ của Quân Đội VNCH cũ. Thời gian gần đây, tôi có được xem qua nhiều thư của Bà gửi về cho chúng tôi, những người còn ở lại, tôi rất lấy làm vui mừng và phân khởi.

Sau đây tôi có hai việc, kính nhờ Bà giúp đỡ đùm tôi :

- 1) Nguyên vào khoảng tháng 4/1983 tôi có gửi đơn và hồ sơ của tôi đến Văn phòng ODP đặt tại Thailand (131 Soi Tien Siang, Sathorn Tai Road Bangkok), nhưng cho tới hôm nay tôi vẫn không được trả lời hoặc cho LOI hoặc IV gì cả. Vậy khi liên được thơ này cũng nhờ Bà đính kèm của tôi, kính nhờ Bà

liên hệ và chuyển đến hồ sơ này
đến cơ quan lưu trữ của Mỹ để
can thiệp cho tôi xin L.O.I và số IV
hầu làm bằng hai chính quyền
Mỹ và VN cần đến.

- 2) Kính nhờ Bà liên hệ đến tôi, đến
trường học của tôi ngay xưa, xin
họ cấp cho tôi phó bản của văn bằng
tốt nghiệp mà tôi đã học ở đây.

HEADQUARTER 3345th TECHNICAL SCHOOL (ATC)

- CHANUTE AIR FORCE BASE, ILLINOIS

61868

- Thời gian = 30 tuần

(Từ tháng 6/1970 đến 1/1971)

- Tên khóa học: AIRCRAFT MAINTENANCE OFFICER
COURSE (AMOC)

do Général KNAFF làm chỉ huy trưởng.

Chánh thật biết ơn Bà

Chào Bà.

ĐỊA CHỈ THƯ TỬ:

NGUYỄN-HỮU-MINH ✓

25 cũ xa' đường sắt lý Thái Tổ

Phường 1 Quận 3, Thành Phố HỒ CHÍ MINH

- VIETNAM -

NGUYỄN-HỮU-MINH

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: June 6, 1988

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name : NGUYEN HUU MINH
2. Other name : /
3. Date/Place of birth ✓ : March 19, 1948 Saigon, South Viet Nam
4. Residence address ✓ : 25 Cu Xa Duong Sat Ly Thai To, P.4, Quan 3,
Thanh Pho Ho Chi Minh, South Viet Nam.
5. Mailing address : Same as above
6. Current occupation : None

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME ✓

Name	DOB	POB	Sex	M	S	Relationship
1. TRINH THI XANH	15-5-1953	My Xuyen	F	x		Wife
2. NGUYEN HUU MINH TUAN	3-11-1974	Saigon	M	x		Son
3. NGUYEN HUU MINH TU	28-11-1984	Saigon	M	x		Son
4. NGUYEN HUU MINH THANH	16-5-1988	Saigon	M	x		Son

C. RELATIVES OUTSIDE VIET NAM

1. Closest relative in the U.S. None
2. Closest relative in other foreign countries

Name	Relationship	Address
1. TRINH HUU QUAN	Brother in law	

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

Name	Address
1. Father : NGUYEN HUU QUYNH	37/58 Tran dinh Xu, P.24, Quan 1, Ho Chi Minh City, SVN
2. TRAN THI HAI (Mother)	-id-
3. Spouse : TRINH THI XANH	25 Cu Xa Duong Sat Ly Thai To, P.1 Quan 3, T/P Ho Chi Minh
4. Children : NGUYEN HUU MINH TUAN	-id-
: NGUYEN HUU MINH TU	-id-
: NGUYEN HUU MINH THANH	-id-
5. Siblings : NGUYEN THI PHUONG	-id-
: NGUYEN THI XUAN	-id-
: NGUYEN HUU HUNG	-id-
: NGUYEN HUU PHUOC	-id-
: NGUYEN HUU TAI	37/58 Tran-Dinh Xu, P.24, Quan 1

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU

OR YOUR SPOUSE None

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person Serving : NGUYEN HUU MINH Serial number: 68/601074
2. Date : From: 30-9-1968 To: 30-4-1975
3. Last Rank : Lieutenant ✓
4. Military Unit : 6 AIR DIVISION/Maintenance and Supply 60 Wing
5. Name of Supervisor/C.O. : Lieutenant Colonel DO HUU SUNG
6. Reason for leaving : April 30, 1975 Event
7. Name of American Advisor(s) : /
8. U.S. Training Courses : Aircraft Maintenance Officer Course/Chanute AFB
Illinois 61868 (Jun 70 to Jan 71)

9. U.S. Awards or Certificates : Destroyed

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME of Student/Trainee: NGUYEN HUU MINH
2. School and School address: Headquarter 3345th Technical School (ATC)
Changute Air Force Base, Illinois 61868
3. Date : From: Jun 1970 to Jan 1971
4. Description of courses : Aircraft Maintenance Officer Course (AMOC)
5. Who paid for training : MAP

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in Reeducation : NGUYEN HUU MINH
2. TOTAL time in Reeducation : 5 Years 5 Months 20 days
3. Still in Reeducation : No

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

I would like to call for assistance of ODP Office to give me a letter of introduction and IV Number in order to go to the U.S.

J. LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

- 1 giấy ra trại (CERTIFICATE OF RELEASE
FROM RE-EDUCATION CAMPS)

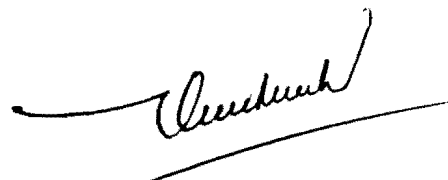
- 5 Khai sanh (REGISTER OF BIRTHS)

- 1 giấy hôn thú (REGISTER OF MARRIAGES)

- 1 Thẻ căn cước quân nhân (MILITARY I.D CARD) Signature : NGUYEN HUU MINH

- 1 Thẻ căn cước dân sự (CIVILIAN I.D CARD)

- 1 Hình chụp tại CHICAGO (PICTURE)



BỘ NỘI VỤ
Trại : Tân Hiệp
Số : 1307 /ORT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu số 00-0330
ban hành theo công
văn số 2565
ngày 21/11/1972

: : : : : : : : : :

S H S L B

15/13

II I A Y R A T R A I

Theo Thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ Công an.
Thi hành án văn, quyết định tha số : 155 ngày 25 tháng 11 năm 1980
của Bộ Nội Vụ.

May cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây :

Họ, tên khai sinh : NGUYỄN - HỮU - MINH

Họ, tên thường gọi :

Họ, tên bí danh :

Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1948

Nơi sinh : Hà Đông

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt : 96 Phan Đình Phùng, thị xã
Sóc Trăng, Hậu Giang.

Cán tội : Trung úy Trưởng phòng y án trợ.

Bị bắt ngày : 25.6.1975 Án phạt : T.T.C.T

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

May về cư trú tại : 25 Cơ xá Công nhân Đường Số 1, Thái Tổ, Quận 3,
Tp. Hồ Chí Minh.

HOÀN XÉT QUÁ TRÌNH GAI TẠO

Quản chế 12 tháng.

Lên tay ngón trỏ phải,
của NGUYỄN HỮU MINH
Danh ban số : 7284
Lập tại : Tân Hiệp

Họ, tên chữ ký
Người được cấp giấy,
(Đã ký)
NGUYỄN HỮU MINH.

Ngày 5 tháng 12 năm 1980
Giám Thị

(Đã ký tên và đóng dấu)

PHẠM NGỌC DƯƠNG

XÁC NHẬN
Có đến trình giấy ra Trại
tại công an Phường.

Ngày 08 - 12 - 1980
Phó Công an Phường I Quận 3
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đã trình diện tại CA.Q3

Ngày 8/12/80

(Đã ký)

NGUYỄN CÔNG KẾ.

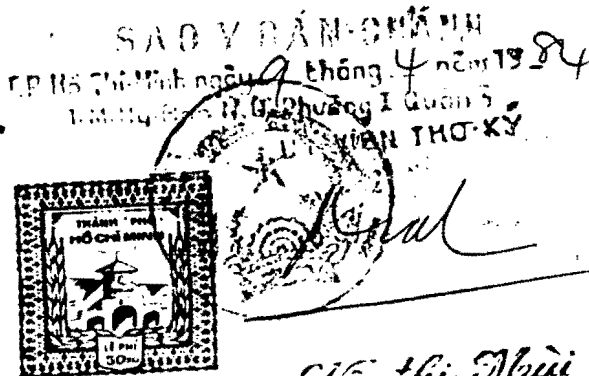
Đến trình diện ngày 19/12/80
Thời hạn quản chế 12 tháng kể từ ngày
đến trình diện.

Ngày 19/12/1980

TL. TRƯỞNG BAN QL. NHCTĐV

(Đã ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN HOÀNG KHAI.



Tân Hiệp Mới

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
THẺ CĂN CƯỚC

Số 03439491



Họ Tên NGUYỄN-HUU-MINH

Ngày, nơi sinh 10-03-1948

Saigon

Nguyen-Huu-Quynh

Tran-thi-Hai

Địa chỉ 25 Cư xá H/X L y-Th-Tổ

Dấu vết riêng: Vết đeo C/1 trên
mày phải.

Cao: 1162

Nặng: 45 Kg

Chữ ký đương sự:

X10

Saigon ngày 17-12-1969
TUN. GIÁM ĐỐC CẢNH SÁT QGĐ
Phó Trưởng Ty CSQG Quận Ba

[Signature]
ĐỖ KIẾN NÂU

Ngôn từ

Nếu từ trái



SM = NGUYỄN-HỮU-MINH

25 cũ xa' đường sắt lý Thái Tổ
Phường 1 Quận 3, TP Hồ Chí Minh

VIETNAM



AUG 0 1 1981

5 năm



VIA AIR MAIL PAR AVION

TO: Mrs. KHUC-MINH-THU

P.O. Box 5435 ARLINGTON

V.A. 22205-0635

U.S.A

VIET-NAM
SW 900
CLAU CHINH
SOMAY 8-032



VIET-NAM
SW 661
CLAU CHINH
SOMAY 8-032

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

QUÂN NHÂN

Số: 004674



Họ Tên

NGUYEN HUU MINH

Cấp bậc

TRUNG UY

Số quân

68/601.074

Ngày, nơi sinh

10-03-1948

SAI GON

Cha

NGUYEN HUU QUYENH

Me

TRAN THI HAI

QĐ. 849 A

AH 025382 Dấu vết riêng.
vết sẹo ở/1 trên mặt
phải

Cao : 1th, 60

Loại máu B. Rh +

Số thẻ căn cước dân sự 0240 1401
Ngày, nơi cấp 15-7-60 ĐÀ NẴNG

KBC 4125, ngày 24.8.73



Ngón trở mặt



Ngón trở trái





VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BA-XUYỀN

Quận MY - XUYỀN

Xã KHÁNH MỪNG

Số hiệu : 055

TRÍCH LỤC CHỨNG - THƯ HÔN - THỦ

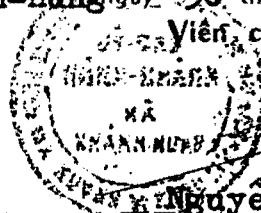
Lập ngày 29 tháng 4 năm 1974

Tên họ chồng	NGUYỄN - HỮU - MINH		
Ngày và nơi sanh	Mười tháng Ba năm 1948, Sài-Gòn		
Tên họ cha chồng	NGUYỄN - HỮU - QUỲNH	(sống/	chết)
Tên họ mẹ chồng	TRẦN - THỊ - HAI	(sống/	chết)
Tên họ vợ	TRỊNH - THỊ - XANH		
Ngày và nơi sanh	Mười lăm tháng Năm năm 1953, Mỹ-Đuyên		
Tên họ cha vợ	TRỊNH - HẢI - SON	(Ba-Xuân).	(sống/
Tên họ mẹ vợ	TRẦN - THỊ - KIM - LÍ	(sống/	chết)
Ngày lập hôn thủ	Hai mươi chín tháng Tư năm Một ngàn		
Có lập hôn khế không:	chín trăm bảy mươi bốn. -----///-----		

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH C.10b.

Xã Phát-Triển Khả nh-Hưng ngày 30 tháng 4 năm 1974

Viên chức hộ tịch



Nguyễn-văn-Hóa.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

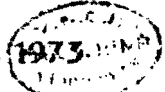
TỈNH BA-XUYỀN

Quận: Mỹ-Xuyên

Xã: Mỹ-Xuyên

Số hiệu: I63

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 15 tháng 5 năm 1973  1958

VỤ SỐ: I914-DX Tòa BA-XUYỀN
xử về việc hộ trong phiên nhóm
công khai ngày 17-9-1968,

BỞI CÁC LỄ ẤY:

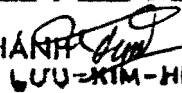
Truyền điều chỉnh khai sinh của
TRỊNH-THỊ-XÁNH khai sinh số:
I63/1953 Xã Mỹ-Xuyên(Ba-Xuyên)
nơi khai trước ghi tên họ người
cha là TRỊNH-HẢI-SON(Tự-Tuyên)
Nay sửa lại là TRỊNH-HẢI-SON

Trích cước Y

Mỹ-Xuyên ngày 24-9-1969

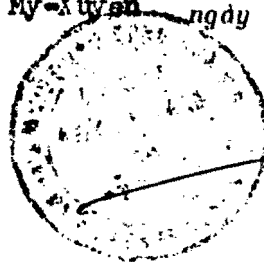
Ủy-Viên HỘ-TỊCH
(Ký-Tên)

Tên họ đứa trẻ	: <u>Trình-Thị-Xánh</u>
Con trai hay con gái	: <u>Gái</u>
Ngày sinh	: <u>15 Mai 1953</u>
Nơi sinh	: <u>Mỹ-Xuyên</u>
Tên họ người cha	: <u>Trình-Hải-Son(Tự-Tuyên)</u>
Tên họ người mẹ	: <u>Trần-Thị-Kim-Ký</u>
Vợ chánh hay không có hôn thú	: <u>Vợ-Chánh</u>
Tên họ người đứng khai	: <u>Trình-Hải-Son(Tự-Tuyên)</u>

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH  LƯU-KIM-HIỆP

Mỹ-Xuyên ngày 29 tháng 9 năm 1973

Viên chức hộ tịch,



ĐANG-TRÒ

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Bản số 2058

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi tám (1948)

Tên, họ đứa nhỏ.	Nguyễn hữu Minh
Phái	masculin
Ngày sanh.	le dix Mars mil neuf cent quarante huit à 8h30
Nơi sanh.	284, rue d'Arras à Saigon
Tên, họ người Cha	Nguyễn hữu Quỳnh
Nghề-nghiep.	ajuteur
Nơi cư-ngụ	à Saigon
Tên, họ người mẹ.	Trần thị Hai
Nghề-nghiep.	sans profession
Nơi cư-ngụ.	à Saigon
Vợ chánh hay thứ	Premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

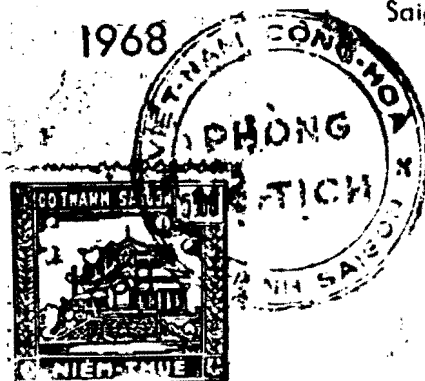
MH.6

Saigon, ngày 3 tháng 7 năm 1968

T.U.N. HỒ-TRƯỞNG SAIGON
TRƯỞNG-PHƯƠNG HỘ-TỊCH

lưu

KHUẾ-THỊ-VINH



M3u HΓ 3/P3

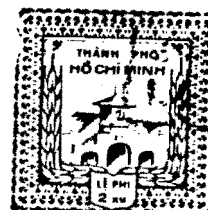
Thành phố, Tỉnh :

Quyền số

[illegible]

Họ và tên :	NGUYỄN - HỮU - MINH - TUẤN		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm :	Ba tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư tức 11/9/35 tại Saigon		
Nơi sinh	Saigon 284 Cờ Quyết		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN HỮU MINH 26 tuổi	TRINH - THI - XANH 21 tuổi	
Dân tộc Quốc tịch	✓ ✓		
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Quản nhân	Mới học 25 Cờ Xà Lộ Xa Saigon	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	✓		

Nguyễn Văn Khoa



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã BT3.P3

Xã, Thị trấn
Thị xã, Quận **Q9K**
Thành phố, Tỉnh **HCM**

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số **194**
Quyển số **2**

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	Nguyễn Hùng Minh Tú		Nam, nữ Nam
Sinh ngày	28/II/1984		
tháng, năm			
Nơi sinh	Đ.V PS		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Hùng Minh 1948	Trần Thị Xinh 1953	
Dân tộc	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Thợ May	Nội Trợ	
Nơi ĐKK thường trú	25 CX Đường Sát Ly khai tá		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Hùng Minh		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày **4** tháng **12** năm **1984**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày **4** tháng **12** năm **1984**
TM/UBND **Q9K** ký tên đóng dấu



Nguyễn Văn Cường

ĐÃ ĐÚNG LỆ PHÍ

МА_а НТЗ/РЗ

C O N T R O L

_____ Card
_____ Doc. Request; Form
_____ Release Order
_____ Computer
✓ _____ Form "D"
_____ Clf/Date _____
_____ Membership; Letter ✓ H-15-88 VN